

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2026/LĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2026

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên*

bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Phi Nguyên cán bộ thuộc Liên
động thành phố Biên Hòa.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Hoàng Thị Diệu Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực
Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực Đồng Nai mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 24/2026/TLST-LĐ ngày
27 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô*
hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng
6 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là
phường T, thành phố Đ).

- **Bị đơn:**

Công ty Cổ phần Đ (tên cũ là Công ty Đ).

Địa chỉ trụ sở: Lô B, đường số A, Khu công nghiệp A, phường L, thành phố
B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thảo N, sinh năm 1987; Địa chỉ liên hệ:
Lô B, đường số A, Khu công nghiệp A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay
là phường L, thành phố Đ). (Giấy ủy quyền số 110/ĐT-TCHC ngày 21/4/2026)

Công ty TNHH P.

Địa chỉ trụ sở: Đường N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ).

Đại diện theo pháp luật: Huang Cheng C, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1993; Địa chỉ liên hệ: Đường N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ). (Giấy ủy quyền số 260312-01/UQ-TGTT/PCV ngày 12/3/2026)

Bệnh viện K.

Địa chỉ: B, Quốc lộ A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tường Q, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hương T, sinh năm 1978; Địa chỉ: B, Quốc lộ A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ). (Giấy ủy quyền số 15/UQ-BVTN ngày 24/4/2026)

4/. Công ty TNHH X.

Địa chỉ trụ sở: KCN L (A), phường L, thành phố Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông W, Y, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1993; Địa chỉ: KCN L (A), phường L, thành phố Đ. (Giấy ủy quyền số 01/GUQ/KMC/2026-03 ngày 20/3/2026)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trịnh Thị H3, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: 37, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ hiện tại: K T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Bảo hiểm xã hội thành phố Đ.

Địa chỉ: B H, phường T, thành phố Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T1, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H4, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bảo hiểm xã hội thành phố Đ; B H, phường T, thành phố Đ.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày:

Năm 1999, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà di chuyển vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xin việc làm. Do tuổi lớn không được tuyển dụng nên bà đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trịnh Thị H3 để đi xin việc. Bà có thời gian

tham gia và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội mã số BHXH 4703002978 (tên H3) tại các Công ty như sau:

- Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004, chức vụ: Công nhân;

- Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008, chức vụ: Công nhân;

- Bệnh viện K, thời gian làm việc từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011, chức vụ: Nhân viên phục vụ;

- Công ty TNHH X, thời gian làm việc từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013, chức vụ: Công nhân;

Tuy nhiên khi giải quyết Bảo hiểm xã hội, cơ quan Bảo hiểm xã hội phát hiện hồ sơ của bà trùng với hồ sơ bảo hiểm của bà Trịnh Thị H3 nên bà chưa được thanh toán bảo hiểm xã hội. Sau đó bà yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ (nay là thành phố Đ) giải quyết và Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có biên bản làm việc với các bên liên quan ngày 06/02/2025, phía Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có ý kiến yêu cầu bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị H3 với các Công ty nêu trên vô hiệu. Hiện bà vẫn chưa rút được tiền bảo hiểm xã hội.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giải quyết:

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động của bà Trịnh Thị H3 với:

- Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004;

- Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008;

- Bệnh viện K, thời gian làm việc từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011;

- Công ty TNHH X, thời gian làm việc từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013;

+ *Bị đơn Công ty Cổ phần Đ có bà Lê Thảo N đại diện trình bày:*

Bà Trịnh Thị H3 (sinh năm 1980), số sổ BHXH: 4703002978, đã tham gia làm việc tại Công ty Cổ phần Đ từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004, với chức danh là công nhân và được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Theo hồ sơ của Tòa án, bà Trịnh Thị H xác nhận đã mượn hồ sơ cá nhân (gồm giấy tờ tùy thân) của bà Trịnh Thị H3 để đi làm tại Công ty Đ, hiện nay là Công ty Cổ phần Đ trong khoảng thời gian nêu trên.

Công ty không có chủ trương và không chấp thuận việc sử dụng hồ sơ cá nhân của người khác để tham gia ứng tuyển và làm việc. Đồng thời, việc tiếp nhận hồ sơ ứng viên được thực hiện đúng quy trình và toàn bộ giấy tờ trong hồ sơ đều có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương nên Công ty không có cơ sở để phát hiện ra sự gian dối trong việc sử dụng hồ sơ. Do đó, việc mượn và sử dụng hồ sơ không đúng quy định là hành vi cá nhân giữa bà Trịnh Thị H3 và bà Trịnh Thị H thuộc trách nhiệm của các cá nhân với nhau và Công ty không chịu trách nhiệm về sự gian

dối này. Việc Công ty Đ2 cho người có tên là Trịnh Thị H3 từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004 là người lao động có thật tham gia quan hệ lao động với công ty và đúng theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, cũng như Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ, điều chỉnh quan hệ bảo hiểm xã hội trong thời gian người lao động ký hợp đồng lao động với công ty. Trường hợp người lao động do gian dối hồ sơ cá nhân để tham gia làm việc tại công ty thì họ phải tự chịu trách nhiệm về rủi ro mất mát chế độ bảo hiểm xã hội khi bị tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Công ty không chịu trách nhiệm và không có yêu cầu khác đối với việc Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu mà người lao động đã ký với công ty.

+ Bị đơn Bệnh viện K, thành phố Đ có bà Phạm Thị Hương T đại diện trình bày:

Tháng 4/2009, Bệnh viện K, thành phố Đ có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội đối với bà Trịnh Thị H3 sinh ngày 10/6/1980, số sổ BHXH 4703002978 với chức danh nhân viên phục vụ và hệ số 1.00.

Đến tháng 10/2009, Bệnh viện K, thành phố Đ có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội đối với bà Trịnh Thị H3 với chức danh nhân viên hộ lý và hệ số 1.65.

Tháng 4/2011 bà Trịnh Thị H3 nghỉ việc tại bệnh viện. Thời gian làm việc từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2011, Bệnh viện đã thực hiện việc đóng BHXH đầy đủ cho bà Trịnh Thị H3 theo quy định của pháp luật. Theo hồ sơ của Tòa án, bà Trịnh Thị H đã mượn hồ sơ của bà Trịnh Thị H3 để đi làm. Bệnh viện K, thành phố Đ hoàn toàn không biết bà Trịnh Thị H là ai và cũng không biết việc bà Trịnh Thị H mượn hồ sơ với tên Trịnh Thị H3 để tham gia quan hệ lao động với Bệnh viện. Bệnh viện căn cứ vào hồ sơ cá nhân đã được xác nhận của chính quyền địa phương để nhận vào làm việc và Bệnh viện không có cơ sở, thẩm quyền để xác minh được sự gian dối trong việc sử dụng hồ sơ. Đây là hành vi cá nhân của bà Trịnh Thị H và bà Trịnh Thị H3, bệnh viện không chịu trách nhiệm về sự gian dối này.

Bệnh viện khoa Thống Nhất thành phố K không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn Công ty TNHH P có bà Phạm Thị H2 đại diện trình bày:

Hiện công ty không còn lưu trữ thông tin liên quan đến người lao động tên Trịnh Thị H3. Đối với việc bà Trịnh Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 02 năm 2008 giữa bà Trịnh Thị H3 và Công ty TNHH P vô hiệu thì Công ty không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn Công ty TNHH X (Việt Nam) có bà Nguyễn Thị Mỹ L đại diện trình bày:

Do thời gian đã quá lâu, Công ty hiện không còn lưu giữ đầy đủ hồ sơ nhân sự của bà Trịnh Thị H3, chỉ còn các tài liệu Bảng lương tháng 9/2011, Bảng lương

tháng 10/2011, B lương tháng 12/2011, Danh sách nhận tiền lì xì cho công nhân viên tết năm 2013 (tất cả đều đứng tên bà Trịnh Thị H3) để làm căn cứ.

Công ty xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 09/2011 đến tháng 01/2013, bà Trịnh Thị H3 có đến làm việc thực tế tại công ty chúng tôi. Còn khoảng thời gian từ 02/2013 tới tháng 08/2013 tuy không tìm thấy tài liệu chứng minh tại công ty nhưng thông tin trên tờ rời BHXH cũng xác nhận trong thời gian này Công ty X có đóng BHXH cho bà Trịnh Thị H3.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H3 trình bày:*

Năm 1999, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị gái bà tên bà Trịnh Thị H di chuyển vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xin việc làm. Do tuổi lớn không được tuyển dụng nên bà H đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bà để đi xin việc. Bà H có thời gian tham gia và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội mã số BHXH 4703002978 (tên H3) tại các Công ty như sau:

- Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004, chức vụ: Công nhân;

- Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008, chức vụ: Công nhân;

- Bệnh viện K, thời gian làm việc từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011, chức vụ: Nhân viên phục vụ;

- Công ty TNHH X, thời gian làm việc từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013, chức vụ: Công nhân;

Tuy nhiên khi giải quyết Bảo hiểm xã hội, Cơ quan Bảo hiểm xã hội phát hiện hồ sơ của bà H trùng với hồ sơ bảo hiểm của bà nên bà H chưa được thanh toán bảo hiểm xã hội. Sau đó bà H yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố Đ giải quyết và Bảo hiểm xã hội Đồng Nai có biên bản làm việc với các bên liên quan ngày 06/02/2025, phía Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có ý kiến yêu cầu bà H khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà với các công ty nêu trên vô hiệu. Hiện bà H vẫn chưa rút được tiền bảo hiểm xã hội.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giải quyết: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động của bà với:

- Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004.

- Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008.

- Bệnh viện K, thời gian làm việc từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011.

- Công ty TNHH X, thời gian làm việc từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013.

Bà đồng ý và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có bà Đinh Thị Phương H4 đại diện trình bày:

Qua tra cứu dữ liệu của ngành bảo hiểm xã hội, bà Trịnh Thị H3, sinh ngày 10/06/1980; số CMND 172065481, 272681162; số CCCD 038180014244, 038180030027. Hiện có 02 sổ BHXH (4703002978, 4808003883) có thời gian đóng BHXH trùng nhau, cụ thể như sau:

Mã số sổ BHXH: 4703002978.

Thời gian đóng BHXH:

- Tháng 08/2004: Đơn vị sử dụng lao Công ty Đ.
- Tháng 02/2008: Đơn vị sử dụng lao động - Công ty TNHH P1.
- Tháng 03/2011: Đơn vị sử dụng lao động - Bệnh viện K.
- Tháng 08/2013: Đơn vị sử dụng lao động - Công ty TNHH X.

Mã số sổ BHXH: 4808003883.

tháng 04/2026: Đơn vị sử dụng lao động - Bệnh viện C1.

Ngày 06/02/2025, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có làm việc với bà Trịnh Thị H, (bà Trịnh Thị H3 vắng mặt nhưng có bản tường trình) ghi nhận về việc trùng thời gian đóng Bảo hiểm là do bà Trịnh Thị H mượn hồ sơ của bà Trịnh Thị H3 để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty Đ từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004, tại Công ty TNHH P1 từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008, tại Bệnh viện K từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 và tại Công ty TNHH X từ tháng 10/2011 đến tháng 08/2013 (sổ BHXH mã số 4703002978).

Như vậy, các Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Trịnh Thị H (mang tên bà Trịnh Thị H3) với Công ty Đ thời gian từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004, với Công ty TNHH P1 thời gian từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008, với Bệnh viện K thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 và với Công ty TNHH X thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 08/2013 thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Đồng Nai:

+ Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H. Tuyên bố các hợp đồng lao động thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004 tại Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008 tại Công ty TNHH P, từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 tại Bệnh viện K, từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013 tại Công ty TNHH X, có tham gia Bảo hiểm xã hội, số sổ 4703002978 giữa bà Trịnh Thị H3 với các Công ty và Bệnh viện Đ3 vô hiệu.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện nguyên đơn bà Trịnh Thị H chịu án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị H3, bà Lê Thảo N, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị Hương T, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Đinh Thị Phương H4 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không đến tham dự phiên tòa, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động của bà Trịnh Thị Hằng với Công ty Đ4 (nay là ty phần Đ1); Địa chỉ trụ sở: Lô B, đường số A, Khu công nghiệp A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ), Công ty TNHH P; Địa chỉ trụ sở: Đường N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ), Bệnh viện K; Địa chỉ: B, Quốc lộ A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ), Công ty TNHH X; Địa chỉ trụ sở: KCN L (A), phường L, thành phố Đ. Do đó, đây là Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực Đồng Nai. Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày, năm 1999, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà di chuyển vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xin việc làm. Do tuổi lớn không được tuyển dụng nên bà đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trịnh Thị H3 để đi xin việc. Bà có thời gian làm việc và tham gia Bảo hiểm xã hội được cấp sổ mã số 4703002978 mang tên Trịnh Thị H3 tại các Công ty sau:

- Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến

tháng 08/2004, chức vụ: Công nhân.

- Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008, chức vụ: Công nhân.

- Bệnh viện K, thời gian làm việc từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011, chức vụ: Nhân viên phục vụ.

- Công ty TNHH X, thời gian làm việc từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013, chức vụ: Công nhân.

Lời trình bày của nguyên đơn được các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H3 thừa nhận, tuy các đương sự không cung cấp được hợp đồng lao động nhưng qua thừa nhận của các đương sự có đủ căn cứ xác định giữa bà H và các Công ty nêu trên cùng Bệnh viện K có giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Lao động năm 1994.

Bà H và bà H3 xác định từ tháng 4/2001 đến tháng 8/2013 bà H lấy hồ sơ cá nhân của bà H3 để giao kết hợp đồng và làm việc với các Công ty nêu trên cùng Bệnh viện K. Lời khai của bà H và bà H3 là có căn cứ vì theo Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp thể hiện, từ tháng 09/2007 đến tháng 04/2026 bà H3 được Bệnh viện C1 đóng Bảo hiểm xã hội số sổ 4808003883, nên có cơ sở xác định khoảng thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 8/2013 bà H3 đang làm việc cho Bệnh viện C1, không có làm việc cho các Công ty nêu trên và Bệnh viện K.

Việc bà H lấy hồ sơ cá nhân của bà H3 để giao kết hợp đồng lao động là không trung thực, có hành vi lừa dối các Công ty nêu trên và Bệnh viện K về chủ thể giao kết hợp đồng lao động nên hợp đồng lao động giữa bà H với các Công ty cùng Bệnh viện Đ3 vô hiệu toàn bộ theo quy định của pháp luật vào thời điểm giao kết hợp đồng gồm Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hiện nay vô hiệu do vi phạm nguyên tắc “Trung thực” quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ những phân tích ở trên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên chấp nhận, tuyên bố các hợp đồng lao động thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004 tại Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008 tại Công ty TNHH P, từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 tại Bệnh viện K, từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013 tại Công ty TNHH X, có tham gia Bảo hiểm xã hội, số sổ 4703002978 giữa bà Trịnh Thị H3 với các Công ty cùng Bệnh viện Đ3 vô hiệu.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện, nguyên đơn bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 9, 26 Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019.

- Căn cứ Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H. Tuyên bố các hợp đồng lao động thời gian làm việc từ tháng 04/2001 đến tháng 08/2004 tại Công ty Đ (nay là ty cổ phần Đ1), từ tháng 09/2004 đến tháng 02/2008 tại Công ty TNHH P, từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2011 tại Bệnh viện K, thành phố Đ, từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2013 tại Công ty TNHH X, có tham gia Bảo hiểm xã hội, số sổ 4703002978 giữa bà Trịnh Thị H3 với các Công ty và Bệnh viện Đ3 vô hiệu.

+ Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện, bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003929 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Toàn